

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 06/02/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Trương Phúc T, sinh năm 1982 và bà Phạm Thị Mộng Tr, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Số 40, đường Lý Tự Tr, khu phố 2, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An.

-Bị đơn: Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã ThTr, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 17, đường Ngô Văn M, khu phố 4, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An.

Ông Lê Văn Nh vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa, bà Lê Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trương Phúc T và bà Phạm Thị Mộng Tr có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T, bà Tr trình bày: Vào ngày 05/7/2016, ông Lê Văn Nh có vay của ông T, bà Tr số tiền 230.000.000 đồng, ông Nh có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ do bà Tr viết nội dung và hẹn đến ngày 05/9/2016 sẽ trả số tiền trên cho ông T, bà Tr (không thỏa thuận lãi suất). Sau đó vào ngày 12/7/2016 ông T, bà Tr cho ông Nh vay tiếp số tiền 29.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/8/2016 sẽ trả, hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất. Lần này bà Tr cũng viết nội dung biên nhận nợ và ông Nh cũng ký và ghi họ tên vào biên nhận. Khi đến hạn bà Tr và ông T đòi nhiều lần nhưng ông Nh chỉ hẹn mà không trả số tiền trên. Do đó bà Tr và ông T khởi kiện ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Nh trả số tiền gốc đã vay của ông, bà là 259.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa, ông T, bà Tr vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên, yêu cầu ông Lê Văn Nh trả số tiền gốc còn nợ là 259.000.000 đồng, tiền lãi không yêu cầu.

Bị đơn ông Lê Văn Nh thể hiện ý kiến tại Bản tường thuật gửi cho Tòa án qua đường bưu điện như sau:

Vào năm 2006, ông Nh có quen bà Lê Thị Th, cư ngụ tại khu phố 4, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An và chung sống như vợ chồng với bà Th, đến năm 2016 thì ông với bà Th chấm dứt quan hệ. Trong thời gian chung sống với bà Th, ông nhiều lần đứng ra ký biên nhận vay tiền của người khác nhưng bà Th là người trực tiếp nhận tiền, trong những lần vay tiền đó có cả số tiền vay 150.000.000 đồng ông ký biên nhận vay của bà Phạm Thị Mộng Tr và ông Trương Phúc T là con ruột và rể của bà Th và bà Th là người nhận tiền. Ông Nh cho rằng thực tế chỉ vay 150.000.000 đồng của ông T, bà Tr và do ông ký giấy nợ với bà Tr và ông T nên ông đồng ý trả số tiền trên cho bà Tr, ông T và đề nghị cho ông thời gian 03 tháng ông sẽ bán đất trả tiền cho bà ông T, bà Tr.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2017 như sau:

Giữa bà với ông Lê Văn Nh không có sống chung như vợ chồng như ông Nh khai mà chỉ là chỗ quen biết, còn bà Tr là con ruột của bà, ông T là con rể của bà. Về việc ông Nh vay mượn tiền của bà Tr và ông T thì bà Th cho rằng trước đây bà biết ông Nh có vay tiền của bà Tr và ông T nhưng chỉ vay số tiền nhỏ và đã trả rồi. Gần đây, bà Th có nghe bà Tr nói lại là ông Nh có vay của bà Tr và ông T số tiền lớn nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu. Ông Nh có trả tiền hay chưa thì bà Th không biết. Bà Th xác định việc ông Nh vay tiền của bà Tr và ông T là việc riêng của ông Nh mà không liên quan gì đến bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự trong vụ án thì nguyên đơn và người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng cho rằng nguyên đơn khởi kiện bị đơn và đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hai biên nhận nợ do ông Nh ký tên vào ngày 05/7/2016 và ngày 12/7/2016 với tổng số tiền ông Nh đã vay của ông T, bà Tr là 259.000.000 đồng. Ông Nh chỉ thừa nhận có vay cả gốc và lãi của ông Tân, bà Trinh số tiền 150.000.000 đồng và cho rằng số tiền này do bà Lê Thị Th trực tiếp nhận. Tuy nhiên, bà Th và ông T, bà Tr không thừa nhận và ông Nh cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Tr và ông T tranh chấp với ông Lê Văn Nh về số tiền 259.000.000 đồng đã cho ông Lê Văn Nh vay nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn Nh có nơi cư trú tại ấp TQ, xã ThTr, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Lê Thị Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lê Văn Nh, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng ông Nh vẫn cố tình vắng mặt, ông Nh xin hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lý do xin hoãn nên hội đồng xét xử không chấp nhận, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015, tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: bà Phạm Thị Mộng Tr và ông Trương Phúc T cho rằng vào ngày 05/7/2016, ông Lê Văn Nh có vay của ông T, bà Tr số tiền 230.000.000 đồng và hẹn đến ngày 05/9/2016 sẽ trả, sau đó vào ngày 12/7/2016 ông T, bà Tr cho ông Nh vay tiếp 29.000.000 đồng hẹn đến ngày 12/8/2016 sẽ trả, cả hai lần vay tiền hai bên đều không thỏa thuận lãi suất và mỗi lần vay bà Tr đều viết nội dung biên nhận nợ và ông Nh đều ký và ghi họ tên vào biên nhận. Khi đến hạn bà Tr và ông T đòi nhiều lần nhưng ông Nh chỉ hẹn mà không trả số tiền trên. Do đó bà Tr và ông T khởi kiện ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Nh trả cho số tiền gốc là 259.000.000 đồng, không

yêu cầu tiền lãi. Bà Tr và ông T đã cung cấp cho tòa án 02 biên nhận nêu trên đều có chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông Lê Văn Nh. Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Ông Lê Văn Nh thừa nhận có vay tiền của bà Tr và ông T nhưng cho rằng chỉ vay số tiền 150.000.000 đồng và ông có viết và ký tên vào biên nhận nợ, bà Lê Thị Th là người trực tiếp nhận tiền vì ông với bà Th sống với nhau như vợ chồng. Bà Lê Thị Th cho rằng bà với ông Nh chỉ biết nhau và việc ông Nh vay tiền của bà Tr, ông T không liên quan gì đến bà, ông T, bà Tr cũng không đồng ý với lời trình bày của ông Nh. Như vậy, ông Lê Văn Nh trình bày nhưng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh nên lời trình bày của ông là không có căn cứ.

[4.3] Việc ông Lê Văn Nh đề nghị Tòa án cho ông thời gian 03 tháng để ông bán đất trả tiền cho ông T, bà Tr nhưng ông T, bà Tr không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4.4] Do bà Tr và ông T chỉ yêu cầu ông Lê Văn Nh trả cho ông, bà số tiền 259.000.000 đồng mà ông Nh đã vay, đồng thời vợ của ông Nh là bà Trần Thị Ch có thể hiện ý kiến tại biên bản xác minh ngày 27/11/2017 là bà không biết gì về số tiền ông Nh vay của ông T, bà Tr và cũng không nghe ông Nh nói gì về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét trách nhiệm liên đới của bà Trần Thị Ch trong vụ án này.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà Phạm Thị Mộng Tr và ông Trương Phúc T theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 149, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Phúc T và bà Phạm Thị Mộng Tr về việc yêu cầu ông Lê Văn Nh trả cho ông T, bà Tr số tiền đã vay là 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng).

Buộc ông Lê Văn Nh có trách nhiệm trả cho ông Trương Phúc T và bà Phạm Thị Mộng Tr số tiền 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng).

2.Trong trường hợp ông Lê Văn Nh chậm trả tiền cho ông T và bà Tr thì ông Nh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.Về án phí:

3.1.Buộc ông Lê Văn Nh phải chịu 12.950.000 đồng (mười hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3.2.Hoàn lại cho ông Trương Phúc T và bà Phạm Thị Mộng Tr 6.475.000 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004585 ngày 11/10/2017.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh